

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14/02/2020

V/v: *Tranh chấp ly hôn
và nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Ngọc Tính, ông Cao Văn Quỳnh

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan – Thư ký TAND huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXX-ST, ngày 20 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST ngày 15/01/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cao Thị D, sinh năm 1987 .

Nơi cư trú: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Cụm dân cư số 03, Thôn Đ, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22/8/2019 và bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Cao Thị D trình bày: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa năm 2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng

sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là: Phạm Hoàng Linh A, sinh ngày 02/10/2008. Hiện nay con đang ở với chị D, nay ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Giấy triệu tập cho anh Tuấn, nhưng anh T vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Anh chỉ điện thoại, nhắn tin báo là “tôi đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa giải quyết vắng mặt tôi”. Do đó, Tòa án phải tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại biên bản xác minh đối với người thân của anh Phạm Văn T là bà Hoàng Thị Ph- mẹ đẻ anh T cho biết: Anh T là con trai bà, trước đây đi làm có quen biết với chị Cao Thị D. Sau đó anh T và chị D đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Kết hôn xong vợ chồng về ở chung nhà với bà nhưng tình cảm vợ chồng trục trặc, chị Doanh về nhà ngoại ở một thời gian, sau đó gia đình hòa giải anh T đón hai mẹ con chị D về, nhưng chỉ được thời gian lại xảy ra mâu thuẫn. Chị D về nhà ngoại ở, còn anh T vẫn ở nhà với bà và đi làm ăn thỉnh thoảng mới về nhà. Thời gian tháng 8/2019 chị D có vào nhà trao đổi với bà về việc ly hôn, bà đã điện thoại báo cho anh T biết, anh T nhất trí ly hôn và gửi bản sao chứng minh thư và các giấy tờ cho chị D làm thủ tục nộp đơn ly hôn tại Tòa án. Bà đã nhận được giấy triệu tập và các Thông báo của Tòa án và cam kết giao lại cho anh T, nhưng anh T điện thoại nói với bà là “con bận công việc không về được, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo yêu cầu của chị D”. Bà cũng đã động viên anh T về giải quyết, nhưng anh vẫn không chịu về. Còn địa chỉ làm việc thì anh T nói với bà là làm nghề tự do không ở một nơi cố định, khi nào cần liên hệ thì điện thoại. Sau khi nhận các thông báo, quyết định của Tòa án bà đã điện thoại, chụp ảnh gửi qua Zalo cho anh T, anh T đã biết nhưng vẫn không về và không hẹn khi nào về. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D ly hôn với anh T vì anh chị ly thân nhau đã lâu, tạo điều kiện cho chị D, anh T ổn định cuộc sống.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời

điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, điều 58 và điều 81, điều 82 và điều 83 – Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị D ly hôn anh T.

Về con chung: Giao cháu Phạm Hoàng Linh A, sinh ngày 02/10/2008 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên. Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị D không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Cao Thị D làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn anh Phạm Văn T trú tại: Thôn G, xã C (nay là cụm dân cư số 3, Thôn Đ, thị trấn P) huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Anh Phạm Văn T hiện không có mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc. Kết quả xác minh tại gia đình anh Phạm Văn T và xác minh với trưởng Thôn Đ và Công an thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa thì anh T hiện đang có hộ khẩu thường trú tại địa phương, anh đi làm ăn nhưng không có địa chỉ cụ thể, thỉnh thoảng vẫn về quê, anh T đi không khai báo cho chính quyền địa phương biết, các khoản đóng góp với địa phương anh vẫn thực hiện đầy đủ. Căn cứ vào khoản 3 điều 40; điểm b khoản 2 điều 277 của BLDS năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì địa chỉ cuối cùng của bị đơn theo hộ khẩu thường trú là thôn G, xã C (nay là cụm dân cư số 03, Thôn Đ, thị trấn P) huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Phạm Văn T đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Các thủ tục tố tụng đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại khoản 5 điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227- Bộ luật TTDS. Tòa án nhân dân huyện C tiến hành xét xử vắng mặt anh T. Bị đơn không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Thanh hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa chị D và anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm không còn, vợ chồng ly thân từ cuối năm 2009 đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu của chị D là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều 51 và điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung Phạm Hoàng Linh A, sinh ngày 02/10/2008. Chị D có nguyện vọng được nuôi con. Xét nguyện vọng nuôi con của chị D là chính đáng vì hiện nay cháu Linh A đang ở với mẹ, cháu cũng có bản tự khai trình bày nguyện vọng ở với mẹ. Theo biên bản xác minh với chính quyền địa phương về tình trạng hôn nhân và xác nhận tại trường Trung học cơ sở xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa thì cháu Phạm Hoàng Linh A hiện đang học lớp 6 tại trường được đảm bảo điều kiện học tập. Do đó, giao cháu Phạm Hoàng Linh A cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên là phù hợp. Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản, công nợ chung: Chị D không có yêu cầu, nên không xem xét

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 1 điều 96, khoản 4 điều 147, khoản 5 điều 177, điểm b khoản 2 điều 227, điều 238 và điều 273 Bộ luật TTDS. Điều 51, điều 56, điều 57, điều 81, điều 82, điều 83 và điều 84 - Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Cao Thị D. Xử cho chị Cao Thị D được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Hoàng Linh A– sinh ngày 02/10/2008 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên. Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu, nên không giải quyết

4. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0003206, ngày 19/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai. /.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện C.
- TAND tỉnh Thanh hoá.
- Chi cục THADS huyện C.
- UBND thị trấn P .
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh

